

## **KẾ HOẠCH**

### **Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Nghị định số 07);

Thực hiện Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 03/9/2021 của UBND Huyện Như Thanh về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021;

Căn cứ Quyết định số: 81/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND xã Yên Lạc về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 - 2025;

UBND xã Yên Lạc ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 với những nội dung sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

1.1. Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018) để đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2021 theo Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 05/02/2021 của UBND xã về thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2021.

1.2. Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07, Quyết định số 24 là cơ sở để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân giúp các cấp chính quyền triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2022 và các năm tiếp theo.

##### **2. Yêu cầu**

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 phải được thực hiện đúng phương pháp, quy trình, được quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 phải được thực hiện đúng phương pháp, quy trình, được

quy định tại Quyết định số 24 và Thông tư số 07 đảm bảo công khai, dân chủ; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương; sự giám sát của Mặt trận tổ quốc và sự tham gia của người dân.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi**

Trên địa bàn xã Yên Lạc.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Hộ gia đình, các đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

## **III. NỘI DUNG**

### **1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020**

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018).

### **2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025**

#### **2.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo**

##### **2.1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều**

##### **a) Tiêu chí thu nhập**

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

##### **b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản**

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

##### **2.1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình**

##### **a) Chuẩn hộ nghèo**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

##### **b) Chuẩn hộ cận nghèo**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

**2.2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình**

**2.2.1. Quy trình rà soát định kỳ (theo quy định tại điều 4 Quyết định số 24)**

**Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03). Xong trước ngày 10/9/2021.**

Ban Chỉ đạo rà soát xã phối hợp với thôn và tổ rà soát lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

Lưu ý: Tổ rà soát tại các thôn, trưởng thôn chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

**Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.1 và Mẫu số 4.2). Xong trước ngày 20/9/2021.**

Ban Chỉ đạo rà soát xã phối hợp với trưởng thôn và tổ rà soát thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

**Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát. Xong trước ngày 24/9/2021.**

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giám nghèo, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát xã).

**Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai.**

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, Mẫu số 07) tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND xã; thông báo qua đài truyền thanh xã trong thời gian 03 ngày làm việc. **Xong trước ngày 01/10/2021.**

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND xã trong thời gian 03 ngày làm việc. **Xong trước ngày 15/10/2021.**

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (ngay sau khi rà soát).

**Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã:**

- Trưởng thôn báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND xã về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của đơn vị mình. **Xong trước ngày 19/10/2021.**

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của thôn, Chủ tịch UBND xã có ý kiến trả lời bằng văn bản. **Xong trước ngày 26/10/2021.**

**Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo. Xong trước ngày 29/10/2021.**

Trưởng thôn tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND xã, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

**Bước 7. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo**

UBND xã tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch UBND Huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội). **Xong trước ngày 05/11/2021.**

**2.2.2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm**

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24.

- Thời gian rà soát: Mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

**2.2.3. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình.**

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

**2.3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo**

**2.3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24:** Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người.

+ Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

+ Ở khu vực thành thị: 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản .10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

### 2.3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm B1  $\leq$  140 điểm và điểm B2  $\geq$  30 điểm

+ Khu vực thành thị: hộ có điểm B1  $\leq$  175 điểm và điểm B2  $\geq$  30 điểm

- Hộ cận nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm B1  $\leq$  140 điểm và điểm B2  $<$  30 điểm

+ Khu vực thành thị: hộ có điểm B1  $\leq$  175 điểm và điểm B2  $<$  30 điểm

## 2.4. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

### 3. Báo cáo kết quả rà soát

#### 3.1. Báo cáo kết quả rà soát định kỳ năm 2021

##### 3.1.1. Báo cáo sơ bộ

- Trưởng thôn báo cáo Chủ tịch UBND xã **trước ngày 28/10/2021**. Hồ sơ báo cáo gồm: Biểu tổng hợp theo Mẫu số 06, Mẫu số 08.

- Chủ tịch UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND Huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) **trước ngày 05/11/2021**. Hồ sơ báo cáo gồm: Công văn báo cáo và Biểu tổng hợp theo Mẫu số 06, Mẫu số 08.

##### 3.1.2. Báo cáo chính thức (gồm kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020 và chuẩn giai đoạn 2022 - 2025)

Hồ sơ báo cáo được lập, lưu tại 03 cấp (Thôn, xã, huyện, ). Cụ thể:

#### a) Thôn.

Trưởng thôn báo cáo Chủ tịch UBND xã **trước ngày 08/11/2021**. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của đơn vị thôn mình

- Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của đơn vị

#### b) Xã.

Chủ tịch UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND Huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) **trước ngày 15/11/2021**. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND xã ,kèm hệ thống biểu tổng hợp của Thôn.

- Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND xã kèm các biểu mẫu tổng hợp theo chuẩn giai đoạn 2022 - 2025.

- Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND xã kèm các biểu mẫu tổng hợp theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020.

- Hồ sơ lưu tại UBND xã gồm: (1) Quyết định phê duyệt kết quả rà soát của Chủ tịch UBND xã kèm các biểu mẫu tổng hợp; (2) Văn bản xin ý kiến của thôn và văn bản trả lời của Chủ tịch UBND xã về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; (3) Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của thôn và biểu tổng hợp của thôn.

### **3.2. Báo cáo kết quả rà soát thường xuyên**

Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9), thôn tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (nếu có). Chủ tịch UBND xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND Huyện( qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

### **4. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 đã được phân bổ tại Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021.

Căn cứ Kế hoạch được duyệt và kinh phí đã được phân bổ, UBND xã, bố trí thêm kinh phí để thực hiện tốt, đảm bảo chất lượng những nội dung công việc trên.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã, Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo xã.**

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND xã về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021.

- Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo địa bàn được phân công tại phụ lục I kèm theo Kế hoạch này. Chịu trách nhiệm giải trình trước Chủ tịch UBND xã nếu có những vấn đề sai sót trong quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại đơn vị được phân công theo dõi.

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả rà soát tại địa bàn được phân công về Trưởng Ban Chỉ đạo xã (qua Cán bộ chính sách xã): Báo cáo kết quả rà soát sơ bộ trước ngày **26/10/2021**; kết quả rà soát chính thức trước ngày **06/11/2021**.

### **2. Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì tham mưu cho Chủ tịch UBND xã thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã năm 2021.

- Chủ trì, phối hợp với Công chức tài chính kế toán, văn phòng Thống kê; Các ban, ngành, đoàn thể có liên quan và các thôn để triển khai Kế hoạch rà soát.

- Thống nhất biểu mẫu, tài liệu hướng dẫn; in tài liệu hướng dẫn, phiếu, biểu mẫu phục vụ cho cuộc rà soát.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho thôn.

- Chỉ đạo, kiểm tra, phúc tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn.

- Tổng hợp kết quả rà soát; báo cáo Chủ tịch UBND xã kết quả sơ bộ và chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2021.

- Tham mưu cho chủ tịch UBND xã ra quyết định công nhận hộ nghèo, cận nghèo và in giấy chứng nhận nghèo, cận nghèo cho các hộ.

### **3. Công chức văn phòng Thống kê**

Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể có liên quan và các thôn tổ chức tập huấn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp trên địa bàn; tham gia hỗ trợ, tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã.

### **4. Công chức Tài chính - Kế toán**

Chủ trì, phối hợp với cán bộ Lao động thương binh và xã hội tham mưu cho UBND xã về kinh phí đảm bảo cho cuộc rà soát và hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.

### **5. Ban Văn hóa**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021; tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 và việc xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

### **6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức đoàn thể.**

- Chủ trì, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn xã; Ủy ban MTTQ xã chỉ đạo Ban công tác Mặt trận thôn chủ trì tổ chức giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tham gia tích cực công tác thông tin, tuyên truyền và thực hiện giám sát quy trình rà soát đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác ở các đơn vị thôn.

### **7. Đối với 7 thôn**

- Tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, nội dung và tầm quan trọng của cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

- Trực tiếp thực hiện rà soát, xác định trên địa bàn theo đúng quy trình tại các thôn. Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình đúng thời gian quy định.

- Thu thập thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo (Phiếu C) theo kết quả rà soát định kỳ năm 2021 để làm cơ sở cho UBND xã cập nhật vào hệ thống phần mềm để theo dõi, quản lý.

- Hướng dẫn mua và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định.

8. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát trên địa bàn xã đúng vào thời điểm tình hình dịch bệnh Covid-19 đang có diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, nguy cơ lây nhiễm cao. Để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị, cá nhân được giao thực hiện Kế hoạch rà soát, đặc biệt là lực lượng rà soát viên khi tiếp xúc với người dân, hộ gia đình để tiến hành rà soát phải thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống dịch Covid-19 của Tỉnh, Huyện, xã và ngành y tế.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nếu còn vướng mắc phát sinh, đề nghị các đơn vị, phản ánh kịp thời về Ban Chỉ đạo xã (qua Cán bộ chính sách) để phối hợp, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- UBND Huyện (để b/c);
- Phòng LĐ-TB&XH Huyện (để b/c);
- TTr: Đảng ủy, HĐND Xã (để b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể xã;
- Thành viên BCD xã;
- 07 thôn,
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thị phương**



**PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN BCĐ PHỤ TRÁCH CƠ SỞ***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9/2021 của UBND huyện)*

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Đơn vị phụ trách</b>
1	Bà: Lê Ngọc Hoa	PCT. UBND huyện	Chỉ đạo chung
2	Ông: Trương Thanh Tĩnh	TP. LĐ - TBXH	Thường trực BCĐ
3	Bà: Nguyễn Thị Nga	TP. Kinh tế - HT	Thị trấn Bến Sung
4	Ông: Vũ Hữu Tuấn	TP. Nông nghiệp	xã Cán Khê
5	Bà: Lê Thúy Lan	TP. Giáo dục-ĐT	Xã Yên Thọ
6	Ông: Đỗ Thanh Minh	TP. Tài chính - KH	Xã Phú Nhuận
7	Ông: Nguyễn Trung Thành	TP. Nội vụ	Xã Phượng Nghi
8	Ông: Lê Huy Chung	TP. Tài nguyên - MT	Xã Xuân Khang
9	Ông: Phạm Hứa Hùng	TP. Dân tộc	Xã Yên Lạc
10	Ông: Nguyễn Văn Cương	TP. Văn hóa - TT	Xã Xuân Du
11	Ông: Nguyễn Văn Thắng	TP. Tư pháp	Xã Thanh Tân
12	Ông: Vũ Đức Dũng	TP. Y tế	Xã Xuân Phúc
13	Bà: Trần Thị Hải	Trưởng CC Thống kê	Xã Mậu Lâm
14	Ông Trần Thanh Minh	GD. NH CSXH	Xã Xuân Thái
15	Ông: Đoàn Văn Dũng	PGĐ TTVH-TT-DL	Xã Thanh Kỳ
16	Ông: Trương Văn Thái	PTP. LĐ-TBXH	- Theo dõi tổng hợp. - Xã Hải Long